

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 29 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 29 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 05 tháng 7 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất và Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ bổ sung một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;

Căn cứ Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ Công chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc hệ thống quốc lộ.

2. Việc quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương (đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã), đường chuyên dùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng, căn cứ vào Thông tư này, để quy định cụ thể cho phù hợp.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông trên hệ thống quốc lộ

1. Các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư này gồm:

a) Bộ Giao thông vận tải, Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải (quản lý quốc lộ ủy thác);

b) Đơn vị quản lý dự án;

c) Đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ;

d) Đơn vị quản lý cụm phà, bến phà, cầu phao;

đ) Nhà thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án;

e) Các tổ chức khác có liên quan.

2. Các cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư này gồm:

a) Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông; Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc cụm phà, Bến trưởng bến phà (cầu phao); Thủ trưởng đơn vị được giao kế hoạch thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ;

b) Các cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị quản lý dự án là ban quản lý dự án đại diện cho chủ đầu tư; tổ chức được phân cấp, ủy quyền hoặc trúng thầu quản lý dự án; tư vấn quản lý dự án được chủ đầu tư ký hợp đồng quản lý dự án.
2. Đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ là tổ chức, cá nhân được nhận đặt hàng, giao kế hoạch, trúng thầu công tác quản lý, bảo trì đường bộ.
3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án là nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án theo Hợp đồng dự án (Hợp đồng BOT, BTO và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư).

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC

Điều 4. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 5. Trách nhiệm của Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông đối với các dự án xây dựng trên đường bộ đang khai thác

1. Chủ trì kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng đối với đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, nhà thầu trong việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư hoặc là cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phối hợp với Tổng cục Đường bộ Việt Nam khi có yêu cầu trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm về đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác ngoài phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải về tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc hệ thống quốc lộ.

Điều 7. Trách nhiệm của Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải

1. Chịu trách nhiệm trước Tổng cục Đường bộ Việt Nam về tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi được giao.

2. Thực hiện việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong quản lý, bảo trì đường bộ trình Tổng cục Đường bộ Việt Nam; tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ cho đơn vị trúng thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch và các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, ủy quyền về công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

3. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ hàng năm trình Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ theo quy định hiện hành.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương để thực hiện nhiệm vụ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp quản lý.

6. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được giao quản lý.

7. Thực hiện công tác phòng chống và khắc phục thiệt hại do bão lụt và công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt, an toàn.

8. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp.

9. Cấp phép thi công các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị được giao kế hoạch thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ do đơn vị quản lý trình cấp có thẩm quyền.

2. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Thanh tra giao thông trong công tác tuần tra, kiểm tra; bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất; tổ chức phân luồng đảm bảo giao thông. Trường hợp hư hỏng nặng vượt quá nhiệm vụ được giao, phải tổ chức đảm bảo giao thông và báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết kịp thời.

3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Thanh tra giao thông để bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ.

4. Lập kế hoạch, phương án phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố.

5. Tổ chức đếm xe, phân loại cầu đường, cập nhật tình trạng cầu đường và báo cáo theo quy định.

6. Tham gia kiểm tra an toàn giao thông đối với các công trình đang hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

7. Lập hồ sơ quản lý, lưu trữ, bảo quản và thường xuyên bổ sung đầy đủ diễn biến và biện pháp khắc phục hư hỏng cầu đường. Quản lý hồ sơ bằng cả văn bản và phần mềm máy vi tính.

8. Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường bộ.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị nhận đặt hàng, trúng thầu thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Sau khi nhận đặt hàng hoặc nhận thầu quản lý, bảo trì đường bộ, tiến hành triển khai thực hiện theo quy định của hợp đồng đã ký.

2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của địa phương, Thanh tra giao thông, tuyên truyền vận động nhân dân quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

3. Lập kế hoạch, phương án phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố.

4. Cập nhật tình trạng cầu đường và báo cáo theo quy định.

5. Lập hồ sơ quản lý, lưu trữ, bảo quản và thường xuyên bổ sung đầy đủ diễn biến và biện pháp khắc phục hư hỏng cầu đường. Quản lý hồ sơ bằng cả văn bản và phần mềm máy vi tính.

6. Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường bộ.

7. Thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại hợp đồng đã ký kết và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị quản lý cụm phà, bến phà (cầu phao)

1. Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì đường ra vào bến, cầu dẫn, ponton, bến hoặc lườn bến, báo hiệu đường thủy nội địa, báo hiệu đường bộ đảm bảo an toàn cho người, phương tiện qua sông.

2. Đảm bảo các trang thiết bị cứu sinh cần thiết; các phương tiện nổi phục vụ cho vượt sông như ponton, phà, phao, ca nô phải được đăng kiểm theo đúng định kỳ và luôn đảm bảo ở trạng thái đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.

3. Tổ chức, hướng dẫn Bến trưởng, thuyền trưởng, thủy thủ và nhân viên của bến thực hiện đúng quy trình chạy phà và các văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam về đảm bảo an toàn giao thông ở các bến phà và trên sông. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hư hỏng để xử lý theo khả năng hoặc báo cáo cấp trên xử lý.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị quản lý dự án trong quản lý các dự án xây dựng cơ bản, sửa chữa đường bộ trên đường bộ đang khai thác

1. Khi lập hồ sơ mời thầu phải nêu đầy đủ yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá phương án tổ chức đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra nhà thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong suốt quá trình thi công về công tác đảm bảo giao thông, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường; trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện không đạt yêu cầu, xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

3. Chỉ đạo nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

4. Thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 05 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về “Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP”.

Điều 12. Trách nhiệm của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác

1. Lập hồ sơ đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ môi trường trình cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để cấp phép thi công sau khi có sự thống nhất với đơn vị quản lý dự án;

Sau khi đã được cấp phép thi công, nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ để nhận bàn giao mặt bằng thi công và triển khai các bước tiếp theo; kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng thi công, nhà thầu phải chịu trách nhiệm quản lý và đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn;

2. Cán bộ chỉ huy thi công của nhà thầu phải thường xuyên có mặt tại hiện trường để giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý dự án, cơ quan quản lý đường bộ và cơ quan liên quan khác để giải quyết kịp thời sự cố do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan gây ra làm giảm chất lượng công trình hoặc mất an toàn giao thông.

3. Triển khai công tác đảm bảo giao thông và bảo vệ môi trường trước khi thi công công trình. Trong suốt quá trình thi công phải thực hiện đúng phương án, biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện hữu; phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý đường bộ và Thanh tra giao thông trong việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ môi trường trong khi thi công theo quy định của giấy phép thi công và của pháp luật.

4. Khi thi công xong, phải thu dọn vật liệu thừa, thiết bị và các chướng ngại vật khác ra khỏi công trình và lập hồ sơ hoàn công kịp thời để bàn giao cho đơn vị quản lý. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định.

5. Thực hiện đầy đủ, đúng nội dung hợp đồng đã ký kết và các quy định tại Chương VI của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình đầu tư, thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình

1. Chịu trách nhiệm đảm bảo giao thông và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đầu tư, thi công xây dựng công trình trên đường bộ đang khai thác; triển

khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn đường bộ theo quy định của hợp đồng dự án; quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn thực hiện.

2. Xử lý và báo cáo kịp thời cơ quan có thẩm quyền khi có thông tin về sự cố công trình đường bộ, tai nạn giao thông.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN

Điều 14. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông

Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, bảo trì đường bộ; xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Chịu trách nhiệm trực tiếp và liên đới chịu trách nhiệm về tình trạng hư hỏng cầu đường.

Điều 16. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ

1. Chịu trách nhiệm trước Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và trước pháp luật trong việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Khu Quản lý đường bộ.

2. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất đối với đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Khu Quản lý đường bộ; việc thực hiện phương án đảm bảo giao thông của các đơn vị quản lý dự án, nhà thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án; xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp trên xử lý.

Điều 17. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Giao thông vận tải

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và trước pháp luật về công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên tuyến quốc lộ được ủy thác.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất đối với đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; việc thực hiện phương án đảm bảo

giao thông của đơn vị quản lý dự án, nhà thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án; xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp trên xử lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị được giao kế hoạch, đặt hàng, trúng thầu thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên hệ thống quốc lộ theo nhiệm vụ được phân công; chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm về các trường hợp mất an toàn giao thông do thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện trách nhiệm của đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của Giám đốc cụm phà, Bến trưởng bến phà (cầu phao)

1. Tổ chức điều hành thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giao thông qua sông đã quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

2. Kiểm tra thường xuyên, đột xuất công tác đảm bảo giao thông của các đơn vị quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp công trình bến trong trường hợp vừa thi công vừa đảm bảo giao thông; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp trên xử lý.

3. Chịu trách nhiệm trước cấp trên về nhiệm vụ được giao quản lý hoặc liên đới chịu trách nhiệm về mất an toàn giao thông do nguyên nhân đường dẫn, bến phà, phà, phao không đảm bảo an toàn.

4. Chịu trách nhiệm về việc để xảy ra tiêu cực trong tổ chức điều hành, trong quản lý, sửa chữa thường xuyên cụm phà, bến phà.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với cá nhân

Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ, Giám đốc cụm phà, Bến trưởng bến phà (cầu phao) và các cá nhân có liên quan, tùy theo đối tượng và mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức; Nghị định số 41/CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất và Nghị định số 33/2003/NĐ-CP của Chính phủ bổ sung một số điều của Nghị định số 41/CP; Nghị định số 34/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Nghị định số

27/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với nhà thầu

Các nhà thầu chính, nhà thầu phụ khi thi công các dự án xây dựng cơ bản, sửa chữa đường bộ trên đường bộ đang khai thác (gọi chung là nhà thầu) tùy theo mức độ vi phạm, bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 34/2010/NĐ-CP và xử phạt theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong giai đoạn khai thác, sử dụng; đơn vị quản lý dự án

1. Xử phạt theo quy định của hợp đồng đã ký kết.
2. Xử phạt theo quy định tại Nghị định số 34/2010/NĐ-CP.

Điều 23. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định xử lý vi phạm đối với Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông; Tổng Cục trưởng, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; các chức danh khác theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xử lý vi phạm đối với Giám đốc Sở Giao thông vận tải; các chức danh khác theo thẩm quyền.

3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam

a) Quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên; Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ; Phó Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ; Giám đốc cụm phà;

b) Quyết định các hình thức xử lý đối với nhà thầu, đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, đơn vị quản lý dự án khi vi phạm quy định của Thông tư này;

c) Yêu cầu Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đình chỉ thi công hoặc thu hồi giấy phép thi công đối với nhà thầu; đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án khi bị xử lý vi phạm theo quy định của Thông tư này;

d) Xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án khi thực hiện không đầy đủ các quy định về quản lý, bảo trì đường bộ.

4. Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ

a) Quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với cán bộ, viên chức, nhân viên và người lao động; Phó Giám đốc cụm phà;

b) Đình chỉ thi công đối với nhà thầu; đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án khi bị xử lý vi phạm theo quy định của Thông tư này;

c) Thu hồi giấy phép thi công đối với nhà thầu; đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án khi bị xử lý vi phạm theo quy định của Thông tư này.

5. Giám đốc Sở Giao thông vận tải

a) Quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên và các chức danh khác;

b) Đình chỉ thi công đối với nhà thầu; đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án khi bị xử lý vi phạm theo quy định của Thông tư này;

c) Thu hồi giấy phép thi công đối với nhà thầu; đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án khi bị xử lý vi phạm theo quy định của Thông tư này;

d) Xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án khi thực hiện không đầy đủ các quy định về quản lý bảo trì đường bộ.

6. Thanh tra giao thông, công chức thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao thực hiện xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012; thay thế Quyết định số 38/2004/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân khi vi phạm trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Vụ trưởng – Trưởng ban thuộc Bộ Giao thông vận tải, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như khoản 1 Điều 25;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GTVT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHTGT (20 bản).

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng